

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2017/HSPT

Ngày 31 - 8 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Anh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Biều

Ông Trần Đình Hiền

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông Hà, cán bộ
Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông
Vũ Đức Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 51/2017/HSPT ngày 12/6/2017 đối với bị cáo Phan Văn N do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 22/2017/HSST ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện V tỉnh Hưng Yên.

**** Bị cáo kháng cáo:***

Phan Văn N, sinh năm 1954; sinh trú quán: thôn E, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; con ông Phan Văn C (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị A và có 03 con, lớn sinh năm 1978, nhỏ sinh năm 1983; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/12/2016 đến ngày 10/01/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn; bị cáo tại ngoại (có mặt).

**** Người bị hại có kháng cáo:***

Ông Lê Ngọc C, sinh năm 1966;

Trú tại: thôn E, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C:*** Luật sư Nguyễn Huy Xanh, Văn phòng Luật sư Nhân Lý, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Đàm Thị D, sinh năm 1973;

- Anh Phan Văn H, sinh năm 1978;

Đều trú tại: thôn E, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN THẤY:

Do mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất giáp ranh giữa nhà ông Lê Đức Đ và Phan Văn N ở thôn E, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên nên ngày 19/10/2016 ông Đ đã nhờ ông Lê Ngọc C ở cùng thôn và một số anh em, con cháu trong họ đến căng lưới thép B40 trên phần đất tranh chấp. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/10/2016 ông C cùng ông Phan Văn K, anh Lê Văn N, anh Đàm Văn Q đứng trên phần đất nhà bị cáo N ở khu trồng lá dong chuyển ngói hài của nhà bị cáo N ra vị trí khác để căng lưới thép. Quá trình dựng rào có làm vỡ một số ngói và dẫm, đạp lên cây lá dong của nhà bị cáo N nên bị cáo cùng vợ là bà Nguyễn Thị A và con dâu là chị Phan Thị L ra yêu cầu dừng lại và đuổi không cho đứng trên phần đất nhà mình, nhưng những người này không nghe, vẫn tiếp tục làm. Chị L đi báo chính quyền xã, bà A đi báo trưởng thôn còn bị cáo N đi vào khu chuồng lợn lấy 01 can nhựa màu vàng loại can 05 lít bọc bên ngoài là túi nilon màu đen, bên trong chứa khoảng 02 lít xăng do bị cáo mua để dự trữ trong nhà từ trước, đồng thời đi qua bếp lấy chiếc bật lửa ga và đi ra khu lá dong nơi ông C và những người làm giúp nhà ông Đ đang đứng. Bị cáo mở nắp can, hai tay hắt khoảng 01 lít xăng trong can vào khu lá dong nơi ông C đang đứng làm xăng bắn vào chân ông C. Sau đó dùng bật lửa châm vào khu lá dong vừa đổ xăng làm lửa bùng cháy khu lá dong với diện tích khoảng 1m² và cháy lan vào chân ông C. Ông C bỏ chạy lên sân bê tông nhà bị cáo, cởi quần đùi đang mặc vút lại, bên trong túi quần có 01 điện thoại Iphone 5 cũ trị giá khoảng 1.000.000đ và 2.000.000đ đều bị cháy, rồi chạy vào nhà ông Đ ngâm nước. Lúc này, anh K, anh L và anh Q vẫn còn ở khu lá dong nên bị cáo đi vào bếp mang thùng nhựa có 01 que cuộn vải vẩy, ném vào khu lá dong để đuổi những người còn lại đi. Sau đó, bị cáo đi vào nhà và chính quyền địa phương đến làm việc. Ông C phải đi cấp cứu và điều trị tại Viện bỏng quốc gia Lê Hữu Trác với thương tích: *bỏng diện tích 15% (3%) độ II, III, IV hai chân, phải điều trị kháng sinh, giảm đau, cắt hoại tử ghép da.*

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện V khám nghiệm hiện trường, phát hiện, thu giữ: *01 đám chất cháy màu xám đen, hình chữ nhật; 01 thùng dạng nhựa có để que củi được bọc lại một đầu bằng vải; 01 can nhựa màu vàng loại 05 lít bên trong chứa chất dạng dung dịch được bọc lại bằng túi nilon màu đen, 01 bật lửa màu xanh.* Đồng thời tiến hành niêm phong can đựng dung dịch đưa đi giám định. Bản kết luận giám định số 4690/C54(P4) ngày 29/11/2016 của

Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: *chất lỏng màu xanh đựng trong can nhựa màu vàng (loại can 05 lít) gửi giám định là xăng.*

Bản kết luận pháp y về thương tích số 127/TgT ngày 12/12/2016 của phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên kết luận ông C bị thương tích với: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 27%, cơ chế hình thành vết thương là do bỏng nhiệt xăng dầu gây nên.

Quá trình điều tra, gia đình bị cáo đã đến thăm hỏi và xin bồi thường cho gia đình ông C nhưng hai bên không thống nhất được mức bồi thường. Ông C yêu cầu bồi thường tiền điều trị thương tích, giá trị điện thoại bị cháy, tiền mặt bị cháy, thu nhập bị mất của ông và của người chăm sóc tổng số tiền là 60.498.836đ. Bị cáo tác động gia đình giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V 25.000.000đ để giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại.

Bản án số 22/2017/HSST ngày 09/5/2017, Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn N phạm tội “**Cố ý gây thương tích**”.

2/ Áp dụng: Khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3/ Xử phạt: Bị cáo Phan Văn N 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/5/2017. Giao bị cáo Phan Văn N cho UBND xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Phan Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

4/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 590, 357, 468 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Phan Văn N và bị hại Lê Ngọc C: Bị cáo N bồi thường cho ông C các khoản tiền: Chi phí đi lại, viện phí và thuốc điều trị; thiệt hại do thu nhập bị mất của ông C, của người chăm sóc; thiệt hại do điện thoại và tiền bị cháy tổng tiền là 60.498.836đ.

Buộc bị cáo Phan Văn N phải bồi thường cho ông Lê Ngọc C khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 24.200.000đ. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường cho ông C số tiền 84.698.836đ. Đối trừ số tiền 25.000.000đ đã nộp để khắc phục hậu quả, bị cáo còn phải bồi thường cho ông C 59.698.836đ. Ông Lê Ngọc C có trách nhiệm liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện V để nhận số tiền

25.000.000đ bị cáo đã nộp theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/5/2017, người bị hại có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường.

Ngày 22/5/2017, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin giảm mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị hại giữ nguyên kháng cáo, xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội.

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, xin lỗi người bị hại cùng gia đình. Bị cáo đã nộp cho Tòa án 02 biên lai thu tiền với tổng số tiền 60.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V để bồi thường cho người bị hại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại trình bày: Nhất trí về tội danh, không đồng tình một số tình tiết giảm nhẹ, không đồng ý cho bị cáo được hưởng án treo, bởi lẽ: Bị cáo đã chuẩn bị sẵn sàng, một số que quần tẩm xăng, sử dụng xăng là nguy hiểm cho người khác. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội có tính chất côn đồ và cố tình thực hiện tội phạm đến cùng theo quy định tại điểm d, e khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho ông C tiền tổn thất tinh thần từ 35 đến 40 tháng lương cơ sở, bồi thường tiền phẫu thuật chỉnh hình.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, luật sư và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Văn N tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận pháp y về thương tích, kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác. Như vậy, hành vi phạm tội của bị

cáo đã bị cấp sơ thẩm xét xử về tội Cố ý gây thương tích, theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Phan Văn N đã xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường sức khỏe, tính mạng của người khác, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo cũng có một phần lỗi của người bị hại đó là đứng ở phần đất của nhà bị cáo mà không được sự đồng ý của bị cáo, làm vỡ ngói, dẫm vào khu lá dong của nhà bị cáo.

Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Khai báo thành khẩn, bản thân bị cáo đã đến thăm hỏi, cùng gia đình tự nguyện bồi thường cho người bị hại, có đơn xin cải tạo tại địa phương theo quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, bồi thường 84.698.836đ là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào. Vì vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với kháng cáo xin giảm mức bồi thường, tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho người bị hại như bản án sơ thẩm đã tuyên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu kháng cáo của người bị hại: Người bị hại đề nghị xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 có khung hình phạt từ 02 năm đến 05 năm tù, và xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, lần đầu phạm tội đã xử phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm là phù hợp, đúng pháp luật. Đối với yêu cầu tăng mức bồi thường: Tất cả các chi phí khám chữa bệnh, tiền mất thu nhập của người bị hại, người chăm sóc mà người bị hại yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã chấp nhận, ngoài ra bị cáo còn phải bồi thường tiền tổn thất về tinh thần là 24.200.000đ tương đương 20 lần mức lương cơ sở là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại không xuất trình thêm căn cứ nào mới về bồi thường, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại đề nghị tăng hình phạt, tăng mức bồi thường đối với bị cáo.

Xét quan điểm của Luật sư tại phiên tòa: Bị cáo phạm tội khi người bị hại đang đứng trên phần đất nhà bị cáo mà không được sự đồng ý của bị cáo, sau khi châm lửa làm chân ông C bị bỏng, ông C bỏ chạy, bị cáo không có hành vi nào khác đối với ông C. Vì vậy bị cáo phạm tội không có tính côn đồ, không cố tình thực hiện tội phạm đến cùng. Về bồi thường phẫu thuật chỉnh hình, thực tế ông C chưa phẫu thuật chỉnh hình, vì vậy không có căn cứ để buộc bị cáo phải bồi

thường khoản tiền này. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận quan điểm của Luật sư tại phiên tòa.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Phan Văn N kháng cáo không được chấp nhận nhưng do bị cáo là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lý do trên;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Văn N và kháng cáo của người bị hại Lê Ngọc C vì không có căn cứ. Giữ nguyên quyết định về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự tại bản án số 22/2017/HSST ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện V như sau:

- **Tuyên bố:** Bị cáo Phan Văn N phạm tội **“Cố ý gây thương tích”**.

- **Áp dụng:** Khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- **Xử phạt:** Bị cáo Phan Văn N 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/5/2017. Giao bị cáo Phan Văn N cho UBND xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Phan Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 590, 357, 468 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Phan Văn N và bị hại Lê Ngọc C: Bị cáo N bồi thường cho ông C các khoản tiền: Chi phí đi lại, viện phí và thuốc điều trị; thiệt hại do thu nhập bị mất của ông C, của người chăm sóc; thiệt hại do điện thoại và tiền bị cháy tổng tiền là 60.498.836đ.

Buộc bị cáo Phan Văn N phải bồi thường cho ông Lê Ngọc C khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 24.200.000đ.

Tổng cộng bị cáo phải bồi thường cho ông C số tiền: 84.698.836đ (tám mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm ba sáu đồng).

Ghi nhận bị cáo Phan Văn N đã nộp số tiền bồi thường 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) để khắc phục hậu quả (số tiền này đang gửi tại Kho bạc nhà nước huyện V theo giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 29/3/2017).

Ghi nhận bị cáo Phan Văn N đã nộp số tiền bồi thường cho ông Lê Ngọc C là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 009281 ngày 23/5/2017 và số 009287 ngày 30/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo, người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hưng Yên;
- CA, VKSND; THADS huyện V;
- TAND huyện V;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Kim Anh

